

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH (CĐR) Đợt 1 - 2025

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THÍ SINH DỰ THI CĐR TIẾNG ANH
Tương đương cấp độ B1 - Đợt 1 năm 2025

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
						Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bảng chữ	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11=(8+9+10)	12=(11:10)	13	14	15
1	001	Vũ Trường An	20/11/2003	K54D19BLA	Thái Bình	13	30	18	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
2	002	Lê Thế Trường An	09/11/2003	K54D19BRA	Điện Biên	13	34	16	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
3	003	Triệu Tuấn Anh	26/06/2001	K53D18BB	Sơn La	12	36	14	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
4	004	Nguyễn Thế Anh	08/07/2003	K54D19TD	Hà Nội	9	38	12	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
5	005	Nguyễn Tuấn Anh	05/10/2004	K55D20BB	Hà Nội	13	36	12	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
6	006	Đào Tuấn Anh	26/02/2003	K55D20BĐA	Hung Yên	15	36	14	65	6,50	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
7	007	Trần Phương Anh	15/12/2004	K55D20TD	Hà Nội	13	36	14	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
8	008	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	03/10/2004	K55D20TD	Hà Nội	16	29	14	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
9	009	Nguyễn Kiều Anh	13/01/2003	K55D20VõA	Hà Nội	11	40	14	65	6,50	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
10	010	Phan Thị Bích	05/03/2003	K55D20ĐKA	Hải Dương	12	35	12	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
11	011	Nguyễn Thị Bích	12/08/2004	K55D20TD	Bắc Giang	12	35	14	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
12	012	Nguyễn Thành Công	16/01/2004	K55D20CL	Hà Nội	12	38	12	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
13	013	Đông Hương Cúc	15/07/2002	K54D19BRB	Yên Bái	6	27	14	47	4,70	4,5	Bốn điểm rưỡi	Không đạt
14	014	Cao Mạnh Cường	31/10/2002	K53D18BLA	Hà Nội	10	44	10	64	6,40	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
15	015	Trần Hữu Cường	02/04/2003	K54D19BĐC	Hà Nội	13	40	12	65	6,50	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
16	016	Tổng Quốc Cường	01/05/2003	K54D19BRA	Hung Yên	11	44	10	65	6,50	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
17	017	Bùi Phạm Lan Chi	03/12/2003	K54D19ĐK	Nam Định	13	37	12	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
18	018	Hoàng Kiều Chi	22/10/2004	K55D20TD	Điện Biên	10	38	12	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt
19	019	Nguyễn Thị Kim Chi	06/04/2004	K55D20TD	Thanh Hóa	12	36	12	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt
20	020	Nguyễn Trọng Chinh	13/10/2004	K55D20VõA	Hà Nội	8	26	12	46	4,60	4,5	Bốn điểm rưỡi	Không đạt
21	021	Trần Nguyên Chương	09/12/2003	K54D19BLA	Ninh Bình	10	37	12	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
22	022	Nguyễn Thùy Dung	12/03/2004	K55D20BRB	Yên Bái	10	42	16	68	6,80	7,0	Bảy điểm	Đạt
23	023	Lê Tuấn Dũng	09/03/2004	K55D20BLB	Hà Nội	7	19	10	36	3,60	3,5	Ba điểm rưỡi	Không đạt
24	024	Nguyễn Trí Dũng	28/09/2004	K55D20CL	Hòa Bình	12	36	10	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
25	025	Đình Đức Duy	12/12/2003	K54D19BB	Nam Định				-	-	-	Bỏ thi	Bỏ thi
26	026	Phùng Thị Duyên	09/12/2003	K54D19Võ	Hà Nội	13	33	14	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
							Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bảng chữ	
1	2	3		5	6	7	8	9	10	11=(8+9+10)	12=(11:10)	13	14	15
27	027	Trần Hoàng	Dương	17/07/2001	K52D17ĐKB	Hà Nội	11	35	14	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt
28	028	Đào Khánh	Dương	30/10/2002	K53D18ĐKB	Hải Dương	14	33	12	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
29	029	Trần Quốc	Đạt	07/01/2004	K55D20BLB	Ninh Bình	14	36	16	66	6,60	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
30	030	Phan Viết	Đạt	01/01/2004	K55D20BLB	Nghệ An	15	32	12	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
31	031	Nguyễn Tiến	Đạt	01/10/2003	K55D20CL	Hòa Bình	10	40	14	64	6,40	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
32	032	Phạm Văn	Đỉnh	08/07/2004	K55D20BCB	Ninh Bình	13	40	12	65	6,50	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
33	033	Bàn Sinh	Đô	12/04/2000	K52 D17TDA	Hòa Bình	4	27	8	39	3,90	4,0	Bốn điểm	Không đạt
34	034	Phùng Khắc	Đô	17/01/2003	K54D19CV	Hà Nội	16	30	12	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
35	035	Nguyễn Minh	Đức	27/11/2003	K54D19BB	Hà Nội	14	32	12	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
36	036	Hoàng Anh	Đức	15/12/2003	K54D19BĐB	Hà Nội	14	32	12	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
37	037	Trần Anh	Đức	09/08/2003	K54D19BLB	Hà Nội	4	22	6	32	3,20	3,0	Ba điểm	Không đạt
38	038	Trần Duy	Đức	13/08/2004	K55D20TD	Yên Bái	11	36	16	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
39	039	Nông Thị	Gần	10/04/2003	K55D20ĐKA	Yên Bái	10	37	14	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
40	040	Nguyễn Hoàng	Gia	21/10/2003	K55D20BĐB	Hà Nội	10	39	14	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
41	041	Nguyễn Trường	Giang	12/11/1999	K55D20QV	Thái Bình	11	35	16	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
42	042	Chang Chang	Hà	15/10/2004	K55D20BCA	Điện Biên	10	36	12	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
43	043	Trần Quang	Hải	17/05/2003	K54D19BB	Quảng Ninh	4	24	14	42	4,20	4,0	Bốn điểm	Không đạt
44	044	Phạm Nguyễn Ngọc	Hải	12/11/2003	K55D20BB	Thanh Hóa	10	35	14	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
45	045	Chu Thị Hồng	Hạnh	08/08/2004	K55D20BLB	Hà Nội	9	37	12	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
46	046	Chu Văn	Hào	18/05/2001	K55D20ĐKA	Quảng Ninh	11	35	12	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
47	047	Nguyễn Văn	Hiệp	17/10/2003	K54D19BĐA	Thanh Hóa	7	30	14	51	5,10	5,0	Năm điểm	Không đạt
48	048	Ngô Văn	Hiệp	19/09/2003	K54D19BRB	Bắc Ninh	11	24	12	47	4,70	4,5	Bốn điểm rưỡi	Không đạt
49	049	Nguyễn Minh	Hiếu	28/10/2002	K54D19ĐK	Nam Định	9	39	10	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
50	050	Lục Minh	Hiếu	16/08/2003	K54D19QV	Hà Nội	9	37	12	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
51	051	Bùi Minh	Hiếu	17/11/2004	K55D20BCB	Thanh Hóa	9	38	14	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
52	052	Nguyễn Đức	Hiếu	31/01/2004	K55D20BCB	Hà Nam	9	38	12	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
53	053	Đỗ Trường	Hòa	18/01/2004	K55D20BB	Thanh Hóa	13	33	12	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
54	054	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	08/10/2004	K55D20TD	Hà Nội	13	37	16	66	6,60	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
55	055	Đặng Duy	Hoàng	18/03/2004	K55D20BCB	Hòa Bình				-	-	-	Hoãn Thi	Hoãn Thi

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
							Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bảng chữ	
1	2	3		5	6	7	8	9	10	11=(8+9+10)	12=(11:10)	13	14	15
56	056	Trần Huy	Hoàng	14/05/2003	K55D20BCB	Ninh Bình	16	35	12	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
57	057	Trương Việt	Hoàng	13/09/2004	K55D20BLA	Hà Nội	8	37	14	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
58	058	Bùi Văn	Học	02/01/2004	K55D20BĐB	Nam Định	11	37	14	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
59	059	Phan Quốc	Hội	15/10/1989	K55D20BCB	Nam Định	8	40	12	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt
60	060	Lưu Thị	Huệ	01/02/1999	K55D20BCB	Hà Nam	12	41	12	65	6,50	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
61	061	Phạm Việt	Hùng	29/08/2003	K54D19BB	Hà Nội	9	38	14	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
62	062	Nguyễn Văn	Hùng	30/04/2003	K54D19Võ	Hà Nội	4	8	12	24	2,40	2,5	Hai điểm rưỡi	Không đạt
63	063	Trần Mạnh	Hùng	23/03/2003	K55D20BCB	Ninh Bình				-	-	-	Hoãn thi	Hoãn thi
64	064	Phạm Như	Hùng	25/11/2004	K55D20BĐA	Tuyên Quang	12	37	14	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
65	065	Trần Mạnh	Hùng	08/10/2004	K55D20BLB	Nam Định	9	37	12	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
66	066	Trần Mạnh	Hùng	14/09/2001	K53D18BoiB	Hà Nam	12	36	14	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
67	067	Nguyễn Đức	Hùng	18/01/2004	K55D20CL	Hà Nội	11	36	12	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
68	068	Bùi Quốc	Huy	22/02/2003	K54D19BCA	Hòa Bình	13	35	14	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
69	069	Bùi Thế	Huy	23/04/2002	K54D19BCA	Hòa Bình	9	38	14	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
70	070	Trần Hoàng Gia	Huy	03/04/2003	K54D19BLA	Hà Nội	8	24	14	46	4,60	4,5	Bốn điểm rưỡi	Không đạt
71	071	Phạm Quang	Huy	09/03/2003	K54D19BLB	Nghệ An	8	23	14	45	4,50	4,5	Bốn điểm rưỡi	Không đạt
72	072	Bùi Xuân	Huy	01/10/2004	K55D20BĐB	Tuyên Quang	12	36	12	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt
73	073	Bùi Gia	Huy	01/09/2004	K55D20BLA	Nghệ An	12	34	12	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
74	074	Lương Quốc	Hưng	06/04/2002	K53D18BCB	Tuyên Quang	4	20	14	38	3,80	4,0	Bốn điểm	Không đạt
75	075	Lý Khánh	Hưng	12/10/2003	K54D19BB	Phú Thọ	4	19	12	35	3,50	3,5	Ba điểm rưỡi	Không đạt
76	076	Nguyễn Văn	Hưng	12/07/2004	K55D20BLA	Bắc Ninh	12	34	14	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt
77	077	Lê Quỳnh	Hương	26/11/2003	K54D19Võ	Bắc Giang	8	38	14	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt
78	078	Bùi Thị	Hương	27/06/2004	K55D20ĐKA	Quảng Ninh	15	33	12	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt
79	079	Bùi Thanh	Hương	19/10/2004	K55D20TD	Hòa Bình	15	30	14	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
80	080	Phan Văn	Kiên	14/03/2003	K54D19BĐA	Yên Bái	14	34	16	64	6,40	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
81	081	Bùi Văn	Kiên	02/03/2004	K55D20BCB	Ninh Bình	15	31	14	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt
82	082	Đình Quốc	Khánh	02/09/2003	K54D19BĐB	Hà Nội	13	34	14	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
83	083	Trần Duy	Khánh	26/08/2003	K54D19BLB	Lào Cai	8	14	12	34	3,40	3,5	Ba điểm rưỡi	Không đạt
84	084	Tạ Quang	Khánh	14/04/2004	K55D20BCB	Quảng Trị	15	33	14	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
							Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bảng chữ	
1	2	3		5	6	7	8	9	10	11=(8+9+10)	12=(11:10)	13	14	15
85	085	Nguyễn Văn	Khiêm	16/02/2003	K55D20BCA	Nghệ An	6	21	12	39	3,90	4,0	<i>Bốn điểm</i>	Không đạt
86	086	Vũ Quang	Khôi	16/05/1995	K51D16BCB	Thái Bình	14	37	12	63	6,30	6,5	<i>Sáu điểm rưỡi</i>	Đạt
87	087	Nguyễn Hoài	Lâm	27/02/2003	K55D20BRA	Hà Nội	10	29	12	51	5,10	5,0	<i>Năm điểm</i>	Không đạt
88	088	Trần Nhật	Lê	04/02/2000	K54D19TD	Phú Thọ	11	36	16	63	6,30	6,5	<i>Sáu điểm rưỡi</i>	Đạt
89	089	Phùng Nhật	Lê	01/07/2004	K55D20BRB	Yên Bái	11	38	14	63	6,30	6,5	<i>Sáu điểm rưỡi</i>	Đạt
90	090	Trần Thanh	Lịch	19/10/2002	K53D18TD	Vĩnh Phúc	12	34	12	58	5,80	6,0	<i>Sáu điểm</i>	Đạt
91	091	Hoàng Đức	Long	16/01/2001	K53D18BRB	Vĩnh Phúc	11	10	6	27	2,70	2,5	<i>Hai điểm rưỡi</i>	Không đạt
92	092	Nguyễn Hoàng	Long	02/02/2001	K55D20BCB	Hải Dương	16	28	14	58	5,80	6,0	<i>Sáu điểm</i>	Đạt
93	093	Nguyễn Đình	Long	26/08/2004	K55D20BRB	Hà Tĩnh	16	28	14	58	5,80	6,0	<i>Sáu điểm</i>	Đạt
94	094	Lê Đức	Lương	22/06/2004	K55D20BĐA	Tuyên Quang	14	35	16	65	6,50	6,5	<i>Sáu điểm rưỡi</i>	Đạt
95	095	Lềng Thị	Mai	01/12/2001	K53D18BCB	Điện Biên	11	38	10	59	5,90	6,0	<i>Sáu điểm</i>	Đạt
96	096	Đào Tuấn	Mạnh	20/02/2003	K54D19BĐB	Hà Nội	6	26	10	42	4,20	4,0	<i>Bốn điểm</i>	Không đạt
97	097	Đỗ Đức	Mạnh	18/10/2003	K54D19BLB	Nam Định	6	25	6	37	3,70	3,5	<i>Ba điểm rưỡi</i>	Không đạt
98	098	Lý Đức	Mạnh	07/11/2003	K55D20BRA	Vĩnh Phúc	11	37	12	60	6,00	6,0	<i>Sáu điểm</i>	Đạt
99	099	Bạch Đăng	Minh	20/03/2002	K53D18CL	Hà Nội	10	36	12	58	5,80	6,0	<i>Sáu điểm</i>	Đạt
100	100	Bàn Văn	Minh	06/06/2003	K54D19BĐA	Hòa Bình	10	39	10	59	5,90	6,0	<i>Sáu điểm</i>	Đạt
101	101	Tổng Văn	Minh	18/11/2003	K54D19BRA	Thanh Hóa	4	27	10	41	4,10	4,0	<i>Bốn điểm</i>	Không đạt
102	102	Dương Quang	Minh	12/11/2003	K54D19CV	Hải Dương	16	37	14	67	6,70	6,5	<i>Sáu điểm rưỡi</i>	Đạt
103	103	Nguyễn Thanh	Minh	05/09/2004	K55D20BCA	Vĩnh Phúc	4	18	6	28	2,80	3,0	<i>Ba điểm</i>	Không đạt
104	104	Đinh Đức	Minh	23/11/2004	K55D20ĐKA	Thanh Hóa	11	35	14	60	6,00	6,0	<i>Sáu điểm</i>	Đạt
105	105	Nguyễn Hà	My	28/10/2003	K55D20VôA	Quảng Ninh	12	36	18	66	6,60	6,5	<i>Sáu điểm rưỡi</i>	Đạt
106	106	Nguyễn Văn	Nam	29/07/2002	K53D18BĐB	Hà Nội	13	33	12	58	5,80	6,0	<i>Sáu điểm</i>	Đạt
107	107	Nguyễn Phương	Nam	10/12/2002	K53D18BLA	Hòa Bình	13	34	12	59	5,90	6,0	<i>Sáu điểm</i>	Đạt
108	108	Đặng Phương	Nam	24/07/2003	K54D19BCB	Thanh Hóa	12	34	14	60	6,00	6,0	<i>Sáu điểm</i>	Đạt
109	109	Phạm Tiến	Nam	03/12/2003	K54D19Vô	Lào Cai	17	35	18	70	7,00	7,0	<i>Bảy điểm</i>	Đạt
110	110	Nguyễn Đức	Nam	09/03/2004	K55D20BLB	Hà Nội	18	45	16	79	7,90	8,0	<i>Tám điểm</i>	Đạt
111	111	Nguyễn Mai	Nam	20/04/2004	K55D20BLB	Yên Bái	17	36	10	63	6,30	6,5	<i>Sáu điểm rưỡi</i>	Đạt
112	112	Đỗ Hào	Nam	22/06/2003	K55D20TD	Hà Nội	12	34	12	58	5,80	6,0	<i>Sáu điểm</i>	Đạt
113	113	Nguyễn Đức	Ngọc	08/04/2002	K55D20ĐKB	Hà Nội	-	-	-	-	-	-	<i>Vi phạm QC thi</i>	Hủy KQ thi

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
							Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bằng chữ	
1	2	3		5	6	7	8	9	10	11=(8+9+10)	12=(11:10)	13	14	15
114	114	Lê Hữu	Nguyên	02/08/2002	K54D19BĐA	Quảng Ninh	19	32	12	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
115	115	Trần Văn Gia	Nguyễn	19/07/2003	K54D19BLA	Sơn La	15	35	12	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
116	116	Triệu Thị Minh	Nguyệt	11/10/2004	K55D20TD	Cao Bằng	15	35	12	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
117	117	Nguyễn Văn	Nhất	03/05/2002	K54D19BLA	Phú Thọ	11	31	8	50	5,00	5,0	Năm điểm	Không đạt
118	118	Vi Thị Yến	Nhi	12/01/2002	K55D20ĐKB	Lạng Sơn	-	-	-	-	-	-	Vi phạm QC thi	Hủy KQ thi
119	119	Hoàng Phan Yến	Nhi	07/10/2004	K55D20VõA	Bắc Giang	14	43	14	71	7,10	7,0	Bảy điểm	Đạt
120	120	Cao Hồng	Nhung	03/02/2004	K55D20TD	Vĩnh Phúc	12	36	12	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt
121	121	Chu Khù	Pur	15/06/2004	K55D20VõA	Lai Châu	12	35	12	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
122	122	Nguyễn Mạnh	Phát	28/12/2004	K55D20BRA	Hà Nội	15	34	14	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
123	123	Trịnh Duy	Phúc	27/05/1999	K51D16BCB	Nam Định	18	32	14	64	6,40	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
124	124	Trần Đăng	Phúc	16/01/1995	K53D18BRA	Hải Dương	16	37	12	65	6,50	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
125	125	Hoàng Mạnh	Phúc	02/06/2004	K55D20BRB	Hà Nội	16	40	12	68	6,80	7,0	Bảy điểm	Đạt
126	126	Nguyễn Thanh	Quang	27/06/2002	K53D18Võ	Nam Định	16	37	12	65	6,50	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
127	127	Nguyễn Minh	Quang	13/01/2004	K55D20BRB	Sơn La	19	45	14	78	7,80	8,0	Tám điểm	Đạt
128	128	Nguyễn Mạnh	Quang	28/09/2004	K55D20TD	Vĩnh Phúc	18	48	12	78	7,80	8,0	Tám điểm	Đạt
129	129	Nguyễn Hồng	Quân	18/09/2003	K54D19CLB	Hà Nội	17	33	14	64	6,40	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
130	130	Phạm Minh	Quân	12/12/2004	K55D20BCB	Ninh Bình	17	32	12	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
131	131	Nguyễn Hữu	Quân	13/08/2004	K55D20TD	Hà Nội	16	36	14	66	6,60	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
132	132	Nguyễn Minh	Quân	01/03/2004	K55D20VõA	Hà Nội	18	45	16	79	7,90	8,0	Tám điểm	Đạt
133	133	Trương Đức Bảo	Quốc	07/05/2003	K54D19BLA	Nghệ An	17	43	12	72	7,20	7,0	Bảy điểm	Đạt
134	134	Vũ Văn	Quý	06/11/2003	K54D19BCA	Hà Nội	14	35	14	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
135	135	Đỗ Minh	Quý	21/04/2003	K54D19CLA	Hà Nội	14	34	12	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt
136	136	Nguyễn Văn	Quý	21/03/1999	K54D19Võ	Bắc Giang	13	24	14	51	5,10	5,0	Năm điểm	Không đạt
137	137	Xa Văn	Quyển	06/12/2003	K54D19BĐA	Hòa Bình	15	29	8	52	5,20	5,0	Năm điểm	Không đạt
138	138	Đinh Minh	Quyết	22/04/2003	K54D19CLA	Nam Định	15	31	8	54	5,40	5,5	Năm điểm rưỡi	Không đạt
139	139	Nguyễn Hương	Sáng	02/09/2002	K54D19TD	Hà Nội	12	40	14	66	6,60	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
140	140	Đỗ Quốc	Sơn	03/08/2003	K54D19BLA	Thanh Hóa	16	44	14	74	7,40	7,5	Bảy điểm rưỡi	Đạt
141	141	Nguyễn Hải	Sơn	30/11/2003	K54D19BRA	Hải Phòng	18	43	16	77	7,70	7,5	Bảy điểm rưỡi	Đạt
142	142	Nguyễn Giang	Sơn	04/03/2002	K54D19CLB	Hà Giang	18	39	18	75	7,50	7,5	Bảy điểm rưỡi	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
							Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bằng chữ	
1	2	3		5	6	7	8	9	10	11=(8+9+10)	12=(11:10)	13	14	15
143	143	Hoàng Văn	Tài	01/01/2003	K54D19BCA	Cao Bằng	18	33	12	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
144	144	Vì Đức	Tài	22/10/2003	K54D19BĐB	Nghệ An	17	32	14	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
145	145	Ma Hồng	Tân	27/09/2004	K55D20BĐB	Tuyên Quang	17	31	14	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
146	146	Vũ Hải	Tiến	10/07/2003	K54D19BĐA	Hà Nội	18	38	14	70	7,00	7,0	Bảy điểm	Đạt
147	147	Hoàng Minh	Tiến	16/05/2004	K55D20CL	Thanh Hóa	15	41	10	66	6,60	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
148	148	Phạm Xuân	Tiếp	27/03/2003	K54D19BRA	Hải Dương	17	37	12	66	6,60	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
149	149	Lương Thị	Toán	22/10/2003	K54D19Võ	Hung Yên	17	42	16	75	7,50	7,5	Bảy điểm rưỡi	Đạt
150	150	Đinh Văn	Tú	05/05/2003	K54D19BCA	Hòa Bình	19	41	14	74	7,40	7,5	Bảy điểm rưỡi	Đạt
151	151	Đỗ Hữu	Tú	19/02/2003	K54D19BĐA	Nam Định	18	35	12	65	6,50	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
152	152	Lê Cẩm	Tú	27/10/1998	K55D20BCB	Đà Nẵng	15	38	12	65	6,50	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
153	153	Nguyễn Anh	Tú	28/11/2004	K55D20BĐB	Tuyên Quang	16	35	14	65	6,50	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
154	154	Nguyễn Văn	Tuấn	28/02/2002	K54D19BĐA	Hung Yên	16	34	8	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
155	155	Lưu Anh	Tuấn	18/12/2003	K54D19BĐB	Tuyên Quang	16	35	14	65	6,50	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
156	156	Đinh Anh	Tuấn	27/07/2003	K54D19CLA	Thanh Hóa	17	33	10	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt
157	157	Nguyễn Thanh	Tùng	05/01/1993	K51D16BCB	Hà Nội	15	35	12	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
158	158	Nguyễn Quý Minh	Tùng	24/11/2003	K54D19BĐA	Hà Nội				-	-	-	Bỏ thi	Bỏ thi
159	159	Bùi Khánh	Tùng	30/11/2003	K54D19BLB	Hà Nội	16	39	12	67	6,70	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
160	160	Doãn Thanh	Tùng	07/11/2003	K54D19CLB	Hung Yên	17	37	12	66	6,60	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
161	161	Khương Thanh	Tùng	20/10/2003	K54D19TD	Nam Định	14	38	12	64	6,40	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
162	162	Đỗ Bá	Tùng	16/02/2003	K55D20VõA	Hà Nội	17	37	14	68	6,80	7,0	Bảy điểm	Đạt
163	163	Vũ Đức	Tuyên	19/11/2002	K55D20BLB	Tuyên Quang	14	34	10	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
164	164	Đặng Hoàng	Thái	23/07/2004	K55D20BLB	Hà Nội	13	34	14	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
165	165	Vũ Xuân	Thanh	24/11/2003	K54D19BLB	Hà Nam	16	31	12	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
166	166	Vũ Trung	Thành	18/02/2002	K53D18BRB	Lạng Sơn	14	37	12	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
167	167	Trần Minh	Thành	06/10/2003	K54D19BĐB	Nam Định	18	38	16	72	7,20	7,0	Bảy điểm	Đạt
168	168	Trần Thế	Thành	06/09/2003	K54D19BRA	Tuyên Quang	18	37	12	67	6,70	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
169	169	Trần Đức	Thành	11/09/2000	K54D19BRA	Hải Phòng	18	37	14	69	6,90	7,0	Bảy điểm	Đạt
170	170	Nguyễn Danh	Thành	12/11/2004	K55D20BB	Hà Nội	14	39	16	69	6,90	7,0	Bảy điểm	Đạt
171	171	Trần Văn	Thành	24/01/2004	K55D20BĐB	Tuyên Quang	13	42	12	67	6,70	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
							Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bảng chữ	
1	2	3		5	6	7	8	9	10	11=(8+9+10)	12=(11:10)	13	14	15
172	172	Nguyễn Thị	Thành	08/01/2003	K55D20ĐKA	Bắc Giang	18	34	14	66	6,60	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
173	173	Vũ Xuân	Thành	18/10/2001	K55D20TD	Hà Nam	17	34	16	67	6,70	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
174	174	Phạm Thị	Thảo	29/03/2003	K54D19TD	Ninh Bình	18	43	12	73	7,30	7,5	Bảy điểm rưỡi	Đạt
175	175	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/01/2004	K55D20CL	Nghệ An	16	40	8	64	6,40	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
176	176	Đặng Xuân	Thắng	21/11/2001	K52D17BĐB	Nghệ An	18	42	12	72	7,20	7,0	Bảy điểm	Đạt
177	177	Mai Quang	Thắng	16/10/2003	K54D19Võ	Nghệ An	15	40	18	73	7,30	7,5	Bảy điểm rưỡi	Đạt
178	178	Trương Chiến	Thắng	30/01/2003	K55D20BLA	Cao Bằng	13	33	14	60	6,00	6,0	Sáu điểm	Đạt
179	179	Quách Trọng	Thế	13/02/2003	K54D19BCB	Hòa Bình	17	35	12	64	6,40	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
180	180	Nguyễn Ngọc	Thị	26/08/2004	K55D20TD	Tuyên Quang	12	42	12	66	6,60	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
181	181	Trương Đức	Thịnh	25/03/2004	K55D20BCB	Bắc Ninh	12	36	14	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
182	182	Nguyễn Đức	Thịnh	09/10/2003	K55D20BLA	Hà Nội	7	23	14	44	4,40	4,5	Bốn điểm rưỡi	Không đạt
183	183	Vũ Tất	Thịnh	02/01/2004	K55D20TD	Hải Dương	11	38	14	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
184	184	Lý Văn	Thỏa	02/07/2001	K54D19BCB	Lai Châu	14	38	12	64	6,40	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
185	185	Phan Thị	Thu	07/05/2002	K54D19TD	Hà Nội	12	35	14	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
186	186	Phạm Minh	Thuận	29/04/2003	K54D19BRB	Hà Nội	6	32	14	52	5,20	5,0	Năm điểm	Không đạt
187	187	Vũ Đức	Thuận	03/11/2004	K55D20BRB	Hà Nội	12	36	14	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
188	188	Nguyễn Anh	Thư	08/11/2003	K55D20TD	Hà Nội	10	36	12	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
189	189	Đồng Văn	Thức	05/09/2004	K55D20ĐKA	Sơn La	8	41	16	65	6,50	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
190	190	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/09/2004	K55D20BB	Hà Nội	12	35	14	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
191	191	Mai Thị Huyền	Trang	24/02/2004	K55D20ĐKA	Ninh Bình	12	22	12	46	4,60	4,5	Bốn điểm rưỡi	Không đạt
192	192	Vũ Thị Thu	Trang	24/12/2004	K55D20VõA	Bắc Giang	10	36	12	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
193	193	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/09/2003	K55D20VõA	Hà Nội	10	37	14	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
194	194	Trương Đăng	Trí	06/01/2003	K54D19BLB	Ninh Bình	12	35	14	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
195	195	Nguyễn Đức	Trung	06/08/2003	K54D19BĐB	Hà Nội	10	38	14	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
196	196	Đào Quang	Trung	13/01/2003	K54D19BĐC	Nam Định	9	30	12	51	5,10	5,0	Năm điểm	Không đạt
197	197	Nguyễn Văn	Trường	23/08/2001	K52D17ĐKA	Hải Dương	11	36	12	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
198	198	Đoàn Xuân	Trường	23/06/2003	K55D20BCB	Ninh Bình	13	37	12	62	6,20	6,0	Sáu điểm	Đạt
199	199	Lê Quang	Trường	24/11/2002	K55D20BLA	Hà Nội	12	33	14	59	5,90	6,0	Sáu điểm	Đạt
200	200	Phạm Thị Hồng	Vân	31/05/2004	K55D20BB	Nam Định	7	29	14	50	5,00	5,0	Năm điểm	Không đạt

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
						Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bằng chữ	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11=(8+9+10)	12=(11:10)	13	14	15
201	201	Đặng Trần Lâm Vân	31/07/2004	K55D20BLB	Đồng Nai	13	36	14	63	6,30	6,5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
202	202	Hoàng Quốc Việt	20/07/2003	K54D19BĐC	Tuyên Quang	4	22	14	40	4,00	4,0	Bốn điểm	Không đạt
203	203	Hoàng Quốc Việt	08/12/2003	K54D19Võ	Sơn La	9	30	12	51	5,10	5,0	Năm điểm	Không đạt
204	204	Trần Quốc Việt	20/01/2003	K55D20BCB	Thái Bình				-	-	-	Hoãn thi	Hoãn thi
205	205	Trịnh Quang Vinh	04/11/2003	K54D19BĐB	Hòa Bình	5	31	14	50	5,00	5,0	Năm điểm	Không đạt
206	206	Phạm Hồng Vũ	16/03/2004	K55D20CL	Thái Bình	11	35	12	58	5,80	6,0	Sáu điểm	Đạt
207	207	Nguyễn Ngọc Hoàng Vương	04/06/2004	K55D20TD	Bình Định	9	38	14	61	6,10	6,0	Sáu điểm	Đạt
208	208	Nguyễn Hữu Vượng	20/11/2002	K54D19BRA	Hà Nội	4	26	12	42	4,20	4,0	Bốn điểm	Không đạt

Ấn định danh sách tổng hợp điểm có : 208 thí sinh trong đó
 - Thí sinh đạt tương đương cấp độ B1 : 167
 - Thí sinh không đạt tương đương cấp độ B1 : 34
 - Thí sinh vi phạm QC thi (hủy KQ thi) : 02
 - Thí sinh vắng thi : 02
 - Thí sinh hoãn thi : 03

Ghi chú: Điểm kết luận đã làm tròn đến 0,5 cụ thể như sau:
 - Số sau dấu chấm >=0 và <0,25 thì làm tròn về 0
 - Số sau dấu chấm >=0,25 và < 0,75 thì làm tròn về thành 0,5
 - Số sau dấu chấm >=0,75 thì làm tròn thành 1

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

NGƯỜI TỔNG HỢP

Nguyễn Duy Quyết

Nguyễn Thị Hoài Mỹ

Trần Thị Thanh Bình